

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 28/2023/DS-ST

Ngày 06/9/2023

V/v Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Hùng Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Miên và ông Lê Khả Hòa.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Trung - Kiểm sát viên

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2023 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2023 về việc “Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, địa chỉ: Làng L, xã Ia L, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (có mặt);

Bị đơn: Ông Trần Văn T, địa chỉ: Thôn Đoàn K, xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn, bà Nguyễn Thị M trình bày:

Chồng bà tên Nguyễn Văn T. Vợ chồng bà có vườn cây cà phê tại làng L, xã Ia L, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, trong đó có trồng khoảng 900 cây cà phê năm 1998 và khoảng 450 cà phê trồng năm 2009.

Gia đình bà muốn chặt bỏ số cây cà phê già cỗi trồng năm 1998 để trồng mới. Riêng vườn cây cà phê trồng năm 2009 gia đình bà giữ lại để canh tác.

Ngày 07/02/2023, bà thỏa thuận bán cho ông Trần Văn T khoảng 400 -500 cây cà phê già cỗi trồng năm 1998 tại thửa đất rẫy nói trên để ông T cưa cắt làm

củi. Thỏa thuận mỗi cây có giá 7000 đồng. Việc này chỉ thỏa thuận bằng miệng. Chồng bà đã chỉ cho ông Trường ranh giới vườn cây cà phê già cỗi muốn cắt bỏ. Sau khi cưa cắt cây, kiểm đếm bao nhiêu tính tiền bấy nhiêu.

Đến khoảng 16h ngày 13/02/2023, bà đến xem rẫy xem ông T đã cắt cây cà phê chưa thì phát hiện ông T đã thuê người khác cắt vượt quá số cây cà phê mà hai bên đã thỏa thuận. Ông T đã cắt cả cây cà phê trồng năm 2009 của gia đình bà. Giữa hai bên không thỏa thuận được về giải quyết hậu quả nên bà đã làm đơn tố cáo hành vi của ông T. Vụ việc đã được Công an huyện Đ thụ lý giải quyết. Kết quả điều tra xác minh đã xác định: số cây cà phê trồng năm 2009 bị ông T cưa cắt là 190 cây được trồng trên 107 hố. Giá trị thiệt hại về tài sản là 75.315.240 đồng. Do giá trị thiệt hại này chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông T nên Công an huyện Đ không khởi tố vụ án hình sự.

Bà yêu cầu ông Trần Văn T bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà với số tiền là 75.315.240 đồng. Ông T phải trả làm một lần trong tháng 9 năm 2023.

* Ông Nguyễn Văn T là chồng của bà Nguyễn Thị M từ chối tham gia tố tụng. Ông T đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông T có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho một mình bà M.

* Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, ông Trần Văn T trình bày:

Ngày 07/02/2023, vợ chồng bà Mạc thỏa thuận bán cho ông 500 cây cà phê già cỗi trồng năm 1998 tại làng Le 2, xã Ia Lang, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, với giá 7.000 đồng/cây. Việc này chỉ thỏa thuận bằng miệng. Ông được chồng bà Mạc là ông Nguyễn Văn T chỉ ranh giới vườn cây cà phê già cỗi. Tuy nhiên, ông T chỉ không rõ ràng.

Ngày 13/02/2023, ông đã thuê các ông Hồ Văn L và ông Hồ Văn H sử dụng 02 cưa lốc để cưa cắt cây cà phê. Trong quá trình cưa cắt, ông L và ông H đã cắt phạm sang vườn cây cà phê trồng năm 2009 của gia đình bà M.

Vụ việc đã được Công an huyện Đ thụ lý giải quyết. Kết quả điều tra xác minh đã xác định: Số cây cà phê trồng năm 2009 bị ông cưa cắt là 190 cây được trồng trên 107 hố. Giá trị thiệt hại về tài sản lúc đầu được định giá là 27.326.000 đồng. Sau đó được định giá lại là 75.315.240 đồng.

Ông hoàn toàn nhận trách nhiệm về hậu quả của thiệt hại do mình gây ra. Hiện tại, ông không có tiền để bồi thường ngay cho bà M. Ông có trách nhiệm thanh toán cho bà M 75.315.240 đồng vào ngày 31/12/2023. Nếu bà M không đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 357, 584, 585, 586, 588, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 144, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố

tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M. Buộc ông Trần Văn T bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà Mạc 75.315.240 đồng.

Buộc ông T chịu toàn bộ án phí của vụ án để sung ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị M khởi kiện ông Trần Văn T yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản. Bà M là người có quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 6 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

[1.2] Ông Nguyễn Văn T là chồng của bà Nguyễn Thị M từ chối tham gia tố tụng. Ông T đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông T có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho một mình bà M. Do đó, Tòa án không đưa ông T vào tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Nguyễn Thị M yêu cầu ông Trần Văn T bồi thường thiệt hại đối với 190 cây cà phê kinh doanh trồng trên 107 hố tại vườn cây cà phê của bà tại làng Le 2, xã Ia Lang, huyện Đ, tỉnh Gia Lai bị ông T chặt hạ với số tiền 75.315.240 đồng và trả trong tháng 9 năm 2023.

Bà M cung cấp cho Tòa án chứng cứ là kết luận định giá tài sản số 21/KL-HĐĐGTS ngày 12/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ (Bút lục 161).

Kết luận định giá tài sản số 21/KL-HĐĐGTS ngày 12/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: Thiệt hại 190 cây cà phê bị chặt là 75.315.240 đồng.

[2.2] Ông Trần Văn T thừa nhận: Vợ chồng bà M thỏa thuận bán cho ông 500 cây cà phê già cỗi trồng năm 1998 với giá 7.000 đồng/cây.

Ngày 13/02/2023, ông đã thuê các ông Hồ Văn L và ông Hồ Văn H sử dụng cưa lóc để cưa cắt cây cà phê. Trong quá trình cưa cắt, ông L và ông H đã cắt phạm sang vườn cây cà phê trồng năm 2009 của gia đình bà M. Số cây cà phê trồng năm 2009 bị ông T cưa cắt là 190 cây được trồng trên 107 hố. Thiệt hại 190 cây cà phê bị chặt là 75.315.240 đồng.

Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, ông T không có ý kiến gì đối với

Kết luận định giá tài sản và không yêu cầu Tòa án tiến hành định giá lại thiệt hại về tài sản.

[2.3] Như vậy, có căn cứ nhận định: Ngày 13/02/2023, ông T đã thuê 02 người sử dụng cưa lốc cưa cắt nhằm 190 cây cà phê trồng năm 2009 của bà M, gây thiệt hại cho bà M 75.315.240 đồng.

Bà M yêu cầu ông T bồi thường thiệt hại về tài sản là 75.315.240 đồng và trả trong tháng 9 năm 2023.

Ông T chấp nhận bồi thường thiệt hại cho bà M 75.315.240 đồng nhưng thanh toán vào ngày 31/12/2023.

Do các đương sự không thỏa thuận được về thời điểm thanh toán tiền và án phí nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2.4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà M là có căn cứ, cần áp dụng các Điều 584, 585, 586, 588, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà M.

[3] Về án phí: Ông Trần Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 584, 585, 586, 588, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 144, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M.

Buộc ông Trần Văn T bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà Nguyễn Thị M số tiền: 75.315.240 đồng (bảy mươi lăm triệu ba trăm mười lăm ngàn hai trăm bốn mươi đồng).

2. Về án phí: Buộc ông Trần Văn T chịu 3.765.762 đồng (ba triệu bảy trăm sáu mươi lăm ngàn bảy trăm sáu mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

Bà Nguyễn Thị M không phải chịu án phí. Trả lại cho bà M 1.875.000 đồng (một triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005531 ngày 22/6/2023 của Chi cục Thi hành án huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

3. Về các vấn đề khác:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể, từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất chậm thi hành án được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKSND huyện Đ;
- CCTHADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lại Hùng Hưng